

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ)

(Tiếp theo công báo số 177 + 178)

Mẫu số: 02/TSDĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA	<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
<u>THÔNG BÁO</u>	

Số: /TB....

....., ngày.....thángnăm

THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

I. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số/VPĐK ngày.....tháng..... năm 201..... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất....., hoặc căn cứ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo nộp tiền sử dụng đất (SDĐ) như sau:

1. Tên người sử dụng đất:

- Mã số thuế (nếu có)

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDĐ:

- Điện thoại:

Email:

2. Đại lý thuế (nếu có)

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:**Thuộc tờ bản đồ số:****4. Loại đường/khu vực:****5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...):****6. Loại đất thu tiền sử dụng đất:****7. Diện tích tính tiền sử dụng đất (m²):**

7.1. Đất ở:

- Trong hạn mức công nhận đất ở:

- Ngoài hạn mức công nhận đất ở:

7.2. Đất sản xuất kinh doanh:

7.3. Đất sử dụng vào mục đích khác:

8. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m²):

8.1. Giá quy định (hoặc đấu giá):

8.2. Giá loại đất đang sử dụng (đất nông nghiệp, phi nông nghiệp):

9. Nguồn gốc đất sử dụng (Nhà nước giao đất, chuyển mục đích SDD...):**10. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất theo mức:**

10.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

10.2. 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

10.3. 50% giá đất do UBND cấp tỉnh quy định:

10.4. 50% tiền sử dụng đất:

10.5. 100% tiền sử dụng đất:

10.6. Trường hợp khác:

11. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng):**12. Các khoản giảm, trừ tiền sử dụng đất (nếu có):**

12.1. Tiền SDD được giảm do SDD dưới 70 năm (đồng):

12.2. Tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất (đồng):

12.3. Tiền thuê đất đã nộp trước (đồng):

13. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

13.1. Lý do miễn, giảm:

13.2. Số tiền miễn giảm (đồng):

14. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp ([14] = [11] – [12] – [13]) (đồng):*(Viết bằng chữ:)***15. Địa điểm nộp tiền:**

16. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nhận được thông báo này. Quá ngày phải nộp theo quy định mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp bị chịu phạt 0,05% (năm phần vạn) số tiền chậm nộp/ngày.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với (*cơ quan thuế*)..... theo số điện thoại: địa chỉ:

(*Cơ quan thuế*) thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN

Ngày tháng năm 201.....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**RA THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. PHẢN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN SDD (Dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

2. Số tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất (đồng):

(Viết bằng chữ:)

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01/TMDN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC****[01] Kỳ tính thuế:** Năm[02] Lần đầu ☐[03] Bổ sung lần thứ ☐**[04] Tên người nộp thuế:****[05] Mã số thuế****[06] Địa chỉ:****[07] Điện thoại:****[08] Fax:****[09] Email:****[10] Đại lý thuế (nếu có):****[11] Mã số thuế:****[12] Địa chỉ:****[13] Quận/huyện:****[14] Tỉnh/Thành phố:****[15] Điện thoại:****[16] Fax:****[17] Email:****[18] Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày****1. Văn bản của cấp có thẩm quyền về việc cho thuê đất, thuê mặt nước (hoặc chuyển từ giao đất sang cho thuê đất, gia hạn cho thuê đất, thuê mặt nước...):**

1.1. Quyết định số ngày..... tháng.... năm.... của.....

1.2. Hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước số: ngày tháng năm

2. Đặc điểm đất/mặt nước thuê:

2.1. Địa chỉ thửa đất/mặt nước thuê:

2.2. Vị trí thửa đất/mặt nước

2.3. Mục đích sử dụng:

2.4. Diện tích:

2.5. Thời điểm được thuê đất (theo ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền):.....

Ngày được bàn giao sử dụng: (áp dụng trong trường hợp ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, mặt nước khác với ngày được bàn giao sử dụng)

3. Diện tích đất, mặt nước phải nộp tiền thuê (m²):

3.1. Đất/mặt nước dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

3.2. Đất xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng để cho thuê:

3.3. Đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề:

3.4. Đất/mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

3.5. Đất/mặt nước dùng vào mục đích khác

4. Thời gian thuê:**4. Các khoản tiền được giảm trừ tiền thuê đất, mặt nước (nếu có):**

4.1. Số tiền thực tế bồi thường, hỗ trợ về đất: đồng

4.2. Số tiền sử dụng đất đã nộp trước (nếu có):đồng

4.3. Đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất (lý do được miễn, giảm):

5. Hình thức nộp tiền thuê đất:5.1. Nộp một lần cho cả thời gian thuê: ☐5.2. Nộp hàng năm: ☐**6. Hồ sơ, chứng từ kèm theo chứng minh thuộc đối tượng được trừ hoặc miễn, giảm tiền thuê đất (nếu bản sao thì phải có công chứng nhà nước):**

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Tại Mục [5], tùy theo hình thức nộp tiền thuê đất, mặt nước đánh dấu X vào ô ☐ tương ứng.

Mẫu số: 02/TMDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÔNG BÁO

Số: /TB

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT**I. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:**

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số
...../VPĐK ngày tháng năm 20..... của Văn phòng đăng ký
quyền sử dụng đất, hoặc căn cứ hồ sơ khai tiền thuê
đất, thuê mặt nước của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo nộp tiền thuê đất,
thuê mặt nước như sau:

1. Tên người nộp thuế:

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền:

- Mã số thuế (nếu có):

Số điện thoại:

- Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế (nếu có):

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:

Thuộc tờ bản đồ số:

4. Loại đường/khu vực:**5. Vị trí (1, 2, 3, 4...):****6. Mục đích sử dụng đất, mặt nước thuê:**

7. Nguồn gốc đất, mặt nước thuê (Nhà nước cho thuê/chuyển từ giao sang thuê...):

8. Thời hạn thuê đất, mặt nước (năm):**9. Diện tích đất, mặt nước thuê (m²):**

9.1. Diện tích phải nộp tiền thuê:

9.2. Diện tích không phải nộp tiền thuê:

10. Giá đất tính tiền thuê đất (đồng/m²/năm):

11. Đơn giá thuê đất, mặt nước (%):

12. Tổng số tiền thuê đất, mặt nước phải nộp (đồng):

12.1. Số tiền phải nộp một năm ($[12.1] = [9.1] \times [10] \times [11]$):

12.2. Số tiền phải nộp cho cả thời gian thuê đất ($[12.2] = [8] \times [9.1] \times [10] \times [11]$):

13. Các khoản giảm trừ tiền thuê đất (đồng) ($[13] = [13.1] + [13.2]$):

13.1. Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất được trừ:

13.2. Các khoản giảm trừ khác (nếu có):

14. Miễn, giảm tiền thuê đất:

14.1. Lý do miễn, giảm:

14.2. Số tiền miễn, giảm (đồng):

15. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng):

15.1. Số phải nộp cho cả thời gian thuê đất ($[15.1] = [12.2] - [13] - [14.2]$): (áp dụng đối với trường hợp nộp một lần cho cả thời gian thuê)

(Viết bằng chữ: _____)

15.2. Số phải nộp một năm: (áp dụng đối với trường hợp nộp hàng năm)

(Viết bằng chữ: _____)

16. Địa điểm nộp:

17. Thời hạn nộp tiền: chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nhận được thông báo này.

Trường hợp người nộp thuế nộp một lần tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả năm thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 31/5 trong năm.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp bị chịu phạt 0,05% (năm phần vạn) số tiền chậm nộp/ngày.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với ... (tên cơ quan thuế)... theo số điện thoại: địa chỉ:

(Cơ quan thuế)... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP TIỀN**

Ngày..... tháng..... năm.....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật:

2. Số tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

Ngày tháng năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01/BVMT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: **[08] Tỉnh/Thành phố:**

[09] Điện thoại: **[10] Fax:** **[11] Email:**

[12] Số tài khoản: **[13] tại Ngân hàng/KBNN:**.....

[14] Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động, kinh doanh chính:.....

[15] Văn bản ủy quyền:

[16] Đại lý thuế (nếu có):.....

[17] Mã số thuế:.....

[18] Địa chỉ:

[19] Quận/huyện: **[20] Tỉnh/Thành phố:**

[21] Điện thoại: **[22] Fax:** **[23] Email:**

[24] Hợp đồng đại lý thuế số:..... ngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng khoáng sản		Mức phí	Số phí phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Số lượng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác:				

STT	Loại khoáng sản	Số lượng khoáng sản		Mức phí	Số phí phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Số lượng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1					
2					
II	<i>Khoáng sản do cơ sở thu mua nộp thay người khai thác</i>				
1					
2					
<i>Tổng cộng:</i>					

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp vào NSNN trong kỳ này là (ghi bằng chữ):

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 02/BVMT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: **[08] Tỉnh/Thành phố:**

[09] Điện thoại: **[10] Fax:** **[11] Email:**

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: **[16] Tỉnh/Thành phố:**

[17] Điện thoại: **[18] Fax:** **[19] Email:**

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Sản lượng khoáng sản tính phí trong kỳ		Mức phí	Số phí phải nộp trong kỳ	Số phí đã kê khai trong kỳ
		Đơn vị tính	Sản lượng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác:					
1						
2						
						

STT	Loại khoáng sản	Sản lượng khoáng sản tính phí trong kỳ		Mức phí	Số phí phải nộp trong kỳ	Số phí đã kê khai trong kỳ
		Đơn vị tính	Sản lượng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II	<i>Khoáng sản do cơ sở thu mua nộp thay người khai thác</i>					
1						
2						
						
	Tổng cộng:					

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn phải nộp vào NSNN của kỳ quyết toán là (ghi bằng chữ):

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 01/PHXD

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ XĂNG DẦU

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Người nộp thuế :

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số lượng xăng dầu xuất bán trong kỳ:			
	- Xăng các loại	[21]	lít	
	- Diezen	[22]	lít	
	- Dầu mỡ nhờn	[23]	kg	
2	Mức phí			
	- Xăng các loại	[24]	Đồng VN/lít	
	- Diezen	[25]	Đồng VN/lít	
	- Dầu mỡ nhờn	[26]	Đồng VN/kg	

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Số tiền phí xăng dầu phát sinh trong kỳ [27] = [28] + [29] + [30] - Xăng các loại [28] = [21] x [24] - Diezen [29] = [22] x [25] - Dầu mỡ nhờn [30] = [23] x [26]	[27] [28] [29] [30]	Đồng Việt Nam Đồng Việt Nam Đồng Việt Nam Đồng Việt Nam	

Số tiền phí xăng dầu phải nộp vào NSNN kỳ này là: đồng.
(Bằng chữ:.....)

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

Họ và tên:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 01/PHLP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ

(Dành cho tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: **[08] Tỉnh/Thành phố:**

[09] Điện thoại: **[10] Fax:** **[11] Email:**

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: **[16] Tỉnh/Thành phố:**

[17] Điện thoại: **[18] Fax:** **[19] Email:**

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... **ngày:**.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí	Chương	Tiểu mục	Số tiền phí, lệ phí thu được	Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%)	Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ	Số tiền phí, lệ phí phải nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5) - (7)
	...						
	Tổng cộng	X	X		X		

Số tiền phí, lệ phí phải nộp vào NSNN (ghi bằng chữ):

.....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

Họ và tên:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 02/PHLP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ**

(Dùng cho tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Người nộp thuế :.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế số :..... ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí	Chương	Tiểu mục	Số tiền phí, lệ phí thu được	Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%)	Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ	Số tiền phí, lệ phí phải nộp NSNN	Số tiền phí, lệ phí đã khai trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5) - (7)	(9)
	...							
	Tổng cộng	X	X		X			

Số tiền phí, lệ phí phải nộp vào NSNN (ghi bằng chữ):

.....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

Họ và tên:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 01/LPTB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

[01] **Kỳ tính thuế:** Theo từng lần phát sinh ☐

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] **Tên người nộp thuế:**

[05] **Mã số thuế:**

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] **Đại lý thuế (nếu có):**.....

[13] **Mã số thuế:**

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:**1. Đất:**

1.1 Địa chỉ thửa đất:

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất:

1.4. Diện tích (m²):

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày..... tháng..... năm.....

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà:

Loại nhà:

2.2. Diện tích nhà (m² sàn xây dựng):

2.3. Nguồn gốc nhà:

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

b) Mua, thừa kế, cho, tặng:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày tháng năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng):

4. Tài sản thuộc diện không phải nộp hoặc được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

-

-

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

Họ và tên:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 02/LPTB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với tài sản là máy bay, ô tô, xe máy, tàu, thuyền,
súng săn, súng thể thao)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ☐

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ ☐

A. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KÊ KHAI:

[04] Tên người nộp thuế (Chủ sở hữu, sử dụng tài sản):

[05] Mã số thuế (nếu có):

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:

[08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:

[10] Fax:

[11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có) :

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày

I. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN:

1. Loại tài sản (ô tô, xe máy, tàu thuyền...):

2. Tên hiệu tài sản:

3. Nước sản xuất:

4. Năm sản xuất:

5. Dung tích xi lanh:

6. Trọng tải (hoặc công suất):

7. Số chỗ ngồi, kể cả chỗ người lái (đối với phương tiện chở khách):

8. Chất lượng tài sản:

9. Số máy:

10. Số khung:

11. Biên kiểm soát:

12. Số đăng ký:

13. Trị giá tài sản (đồng):

(Viết bằng chữ:)

II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN:

1. Tổ chức, cá nhân giao tài sản:

2. Địa chỉ:

3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển dịch tài sản:

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN KHÔNG PHẢI NỘP HOẶC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (lý do):

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số
liệu đã khai./

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

B. THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thuế):**1. Trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ (đồng):**

(Viết bằng chữ:)

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng): Bằng trị giá tài sản tính LPTB nhân (x) mức thu LPTB (%). Mức thu LPTB được quy định chi tiết cho từng loại tài sản (máy bay, tàu thuyền, ô tô, xe máy các loại)

(Viết bằng chữ:)

Nộp theo chương tiểu mục

3. Địa điểm nộp:**4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nhận được thông báo này**

Quá thời hạn nêu trên mà chủ tài sản chưa nộp vào ngân sách nhà nước thì mỗi ngày chậm nộp bị chịu phạt 0.05% số tiền chậm nộp /ngày.

5. Không thu lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm..... khoản..... Điều 3 Nghị định số ... ngày của Chính phủ:**6. Miễn nộp lệ phí trước bạ (nếu có):** Chủ tài sản thuộc đối tượng được miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm.... khoản..... Điều Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ:**CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH LỆ PHÍ
TRƯỚC BẠ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA
THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO**NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

Ngày tháng năm 201.....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

C. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền)

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ:
2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):
(Viết bằng chữ:)

....., ngày tháng năm 201.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01-1/LPTB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÔNG BÁO

Số:/TB.... , ngày..... tháng năm.....

THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số...../VPĐK ngày..... tháng..... năm 201.... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, hoặc căn cứ hồ sơ của người nộp lệ phí trước bạ, cơ quan thuế..... thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất như sau:

I. ĐỊNH DANH VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ:

1. Tên chủ tài sản:.....
2. Mã số thuế (nếu có):
3. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền LPTB:.....
4. Đại lý thuế (nếu có):
5. Mã số thuế:
6. Địa chỉ:

II. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN

1. Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số:.....
Số nhà..... Đường phố.... Thôn (ấp, bản, phum, sóc)..... xã (phường).....
2. Loại đất.....
3. Loại đường/khu vực:.....
4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....
5. Cấp nhà:..... Loại nhà:.....
6. Hạng nhà:.....
7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:

8. Diện tích nhà, đất tính lệ phí trước bạ (m²):.....

8.1. Đất:.....

8.2. Nhà (m² sàn nhà):.....

9. Đơn giá một mét vuông sàn nhà, đất tính lệ phí trước bạ (đồng/m²):.....

9.1. Đất:.....

9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới):

III. LPTB DO CƠ QUAN THUẾ TÍNH:

1. Tổng giá trị nhà, đất tính lệ phí trước bạ:.....

1.1. Đất (8.1 x 9.1):.....

1.2. Nhà (7 x 8.2 x 9.2):.....

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng):

(Viết bằng chữ:))

Nộp theo chươngloại.....khoản.....hạng.....mục.....tiểu mục

3. Địa điểm nộp.....

4. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nhận được thông báo này. Quá thời hạn nêu trên mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp bị phạt theo mức 0.05% số tiền chậm nộp/ngày.

5. Trường hợp không thu lệ phí trước bạ: Chủ tài sản thuộc diện không phải nộp LPTB theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo VBQPPL áp dụng)

.....

6. Trường hợp miễn nộp lệ phí trước bạ: Chủ tài sản thuộc diện được miễn nộp LPTB theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo VBQPPL áp dụng)

.....

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với ...(*tên cơ quan thuế*)...
theo số điện thoại: địa chỉ:

(Cơ quan thuế)..... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Ngày tháng năm 201.....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

RA THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. PHÀN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ so với thông báo của cơ quan Thuế:

2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01/NTNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho trường hợp Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: tháng năm (hoặc lần phát sinh) ☐ Tháng ☐ Lần phát sinh

[02] Lần đầu [] [03] Bổ sung lần thứ []

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

[05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--

[14] Địa chỉ: [15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Nội dung	Mã số thuế	Hợp đồng số.. ngày... tháng...	Số tiền thanh toán kỳ này	Ngày thanh toán	Thuế GTGT				Thuế TNDN				Tổng số thuế phải nộp vào NSNN
					Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ giá trị gia tăng	Thuế suất thuế GTGT	Thuế GTGT phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế TNDN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=6x7x8)	(10)	(11)	(12)	(13=10x11-12)	(14=9+13)
1. Nhà thầu nước ngoài A (*)													
2. Nhà thầu nước ngoài B (*)													
3. Nhà thầu nước ngoài C (*)													
Cộng:													

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (*Viết bằng chữ*):.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chúng tôi hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Ghi chú: (*) Trường hợp trong kỳ tính thuế có nhiều ngành kinh doanh thì ghi chi tiết theo từng ngành kinh doanh.

Mẫu số: 01/HKNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI**[01] Kỳ tính thuế: Quý năm****[02] Lần đầu [] [03] Bổ sung lần thứ []****[04] Tên Hãng hàng không nước ngoài:.....****[05] Nước cư trú:.....****[06] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:****[07] Tên văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....****[08] Mã số thuế:** **[09] Địa chỉ văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....****[10] Quận/huyện:..... [11] Tỉnh/thành phố:.....****[12] Điện thoại:..... [13] Fax:..... [14] E-mail:.....****[15] Tên đại lý thuế (nếu có):****[16] Mã số thuế:** **[17] Địa chỉ:.....****[18] Quận/huyện:..... [19] Tỉnh/thành phố:.....****[20] Điện thoại:..... [21] Fax:..... [22] E-mail:.....****[23] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu	[24]=[26]+[27]+[28]	[25]
1	Doanh thu bán vé hành khách	[26]	

STT	Chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
2	Doanh thu bán vận đơn hàng không	[27]	
3	Doanh thu khác	[28]	
II	Các khoản giảm trừ doanh thu	[29]=[30]+[31]	
1	Các khoản thu hộ	[30]	
2	Chi hoàn do khách hàng trả lại vé	[31]	
III	Doanh thu chịu thuế TNDN	[32]=[24]-[29]	[33]
IV	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu chịu thuế	[34]	
V	Thuế TNDN phát sinh trong kỳ	[35]=[32]x[34]	
VI	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định trong kỳ	[36]	[37]
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ	[38]=[36]-[37]	[39]

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 01-1/HKNN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)***Phụ lục****BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TÀI QUỐC TẾ***(Dành cho vận tải hàng không quốc tế, kèm theo Tờ khai ngày.....)***Kỳ tính thuế: Từ đến**

Tên Hãng hàng không nước ngoài: Nước cư trú:

Tên/họ hiệu phương tiện vận tải:

Tên văn phòng/đại lý bán vé tại Việt Nam:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Kỳ vận chuyển	Cảng đi	Cảng đến	Tổng doanh thu bán vé tại thị trường Việt Nam	Thuế TNDN phải nộp	Thuế TNDN đề nghị miễn, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Kỳ vận chuyển	Cảng đi	Cảng đến	Tổng doanh thu bán vé tại thị trường Việt Nam	Thuế TNDN phải nộp	Thuế TNDN đề nghị miễn, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng					

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Ghi chú:

- Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.
- Cột (4) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải.

Mẫu số: 01-2/HKNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục**BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TÀI QUỐC TẾ**

(Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ trong vận tải hàng không quốc tế, kèm theo Tờ khai ngày.....)

Kỳ tính thuế: Từ đến

Tên Hãng hàng không nước ngoài:..... Nước cư trú:.....

Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:.....

Tên hãng hàng không tham gia hoán đổi/chia chỗ:.....

Tên văn phòng/đại lý tại Việt Nam:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Kỳ vận chuyển	Cảng đi	Cảng đến	Số chỗ hoán đổi/chia (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ)	Số chỗ hoán đổi thực tế	Doanh thu quy đổi	Thuế TNDN phải nộp	Thuế TNDN đề nghị miễn, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Ghi chú:

- Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.
- Cột (4) ghi số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ.
- Cột (5) ghi số chỗ đã thực tế sử dụng trên máy bay của hãng đối tác.
- Cột (6) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng theo quý đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng trên cơ sở thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển cả năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.

Mẫu số: 01/VTNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HẰNG VẬN TẢI NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: tháng năm

[02] Lần đầu [] [03] Bổ sung lần thứ []

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

[05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

[14] Địa chỉ: [15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Tên hãng vận tải nước ngoài	Tên/họ phương tiện vận tải	Ngày/ tháng/năm		Cảng đi	Cảng đến	Thuế GTGT				Thuế TNDN				Tổng số thuế phải nộp vào NSNN
		Đến	Đi			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ giá trị gia tăng	Thuế suất thuế GTGT	Thuế GTGT phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế TNDN	Số thuế được miễn, giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14=11x12-13)	(15=10+14)

(16) Tổng số thuế đã nộp kỳ này:

(17) Số nộp thừa/thiếu kỳ trước:

(17.1) Số nộp thừa tháng trước:

(17.2) Số nộp thiếu tháng trước:

(18) Số thuế còn phải nộp kỳ này [(18)=(15)-(16)-(17)]:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 01-1/VTNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục**BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TÀI QUỐC TẾ**

(Dành cho trường hợp doanh nghiệp trực tiếp điều hành phương tiện vận tải, kèm theo Tờ khai ngày.....)

Kỳ tính thuế: Từ đến

Tên hãng vận tải nước ngoài:..... Nước cư trú:.....

Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:.....

Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chứng từ vận chuyển	Hóa đơn		Cảng đi	Cảng đến	Thông tin khách hàng (tên, địa chỉ, mã số thuế)	Tổng doanh thu vận chuyển thực tế	Số thuế phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày						
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng								

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Ghi chú:

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải không bao gồm tiền thuế đã trả cho doanh nghiệp khác tham gia vận tải từ cảng Việt Nam đến cảng trung gian.

Mẫu số: 01-2/VTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ

(Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ, kèm theo Tờ khai ngày.....)

Kỳ tính thuế: Từ đến

Tên hãng vận tải nước ngoài:..... Nước cư trú:.....
 Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:.....
 Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:
 Mã số thuế:
 Tên đại lý thuế (nếu có):
 Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chứng từ vận chuyển	Hóa đơn		Cảng đi	Cảng đến	Khách hàng (tên, địa chỉ, mã số thuế)	Số chỗ hoán đổi/chia (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ)	Số chỗ hoán đổi thực tế	Doanh thu quy đổi	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày								
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng										

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Ghi chú:

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi số TEU hoặc số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ
- Cột (7) ghi số TEU hoặc số chỗ đã thực tế sử dụng trên tàu của hãng đối tác
- Cột (8) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng.

Mẫu số: 01-3/VTNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ DOANH THU LƯU CÔNG-TEN-NƠ

(Kèm theo Tờ khai ngày.....)

Kỳ tính thuế: Từ đến

Tên hãng vận tải nước ngoài:..... Nước cư trú:.....
 Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:.....
 Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
 Mã số thuế:
 Tên đại lý thuế (nếu có):.....
 Mã số thuế:

Đơn vị tiền : Đồng Việt Nam

Chứng từ vận chuyển	Hóa đơn		Cảng đến	Thông tin khách hàng (tên, địa chỉ hoặc mã số thuế)	Doanh thu lưu công- ten-nơ (không bao gồm thuế GTGT)	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày					
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng cộng							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày..... tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 01/TBH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ**ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHẬN TÁI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI**

[01] Kỳ tính thuế: Quý năm.....

[02] Lần đầu [] [03] Bổ sung lần thứ []

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....

[07] Quận/huyện:.....[08] Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] E-mail:.....

[12] Tên Tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài:.....

[13] Nước cư trú:.....

[14] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:.....

[15] Mã số thuế tại nước cư trú:

[16] Tên đại lý thuế (nếu có):

[17] Mã số thuế:

[18] Địa chỉ:.....

[19] Quận/huyện:..... [20] Tỉnh/thành phố:.....

[21] Điện thoại:..... [22] Fax:..... [23] E-mail:.....

[24] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu	[25]=[27]+[28]	[26]
1	Doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm	[27]	

STT	Chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
2	Doanh thu khác	[28]	
II	Các khoản giảm trừ doanh thu	[29]=[30]+[31]	
1	Các khoản thu hộ	[30]	
2	Các khoản chi khác	[31]	
III	Doanh thu chịu thuế TNDN	[32]=[25]-[29]	[33]
IV	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu chịu thuế	[34]	
V	Thuế TNDN phát sinh trong kỳ	[35]=[32]x[34]	
VI	Số thuế miễn, giảm trong kỳ	[36]=[38]+[39]	[37]
1	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định	[38]	
2	Số thuế miễn, giảm khác	[39]	
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ	[40]=[35]-[36]	[41]

Tôi xin cam đoan số liệu khai trên là đúng và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 01/TBH-TB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO (Dự kiến)¹

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh, không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định: ☐

1.1	Tên đầy đủ:(viết hoa) Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số..... Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....										
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch.....										
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:..... Địa chỉ trên là: A. Nơi làm việc ☐ B. Nơi lưu trú ☐ C. Văn phòng ĐD ☐ D. Cơ sở thường trú ☐ E. Khác ☐ Nêu rõ:.....										
1.3.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:										
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam): Nếu không có nêu lý do:.....										
1.5	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:										
1.6	Địa chỉ tại Nước ký kết: Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:										
1.7	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết: <table border="1" style="width:100%"> <tr> <td style="width:50%">A. Pháp nhân</td> <td style="width:10%; text-align:center">☐</td> <td style="width:40%">B. Liên danh không tạo pháp nhân</td> <td style="width:10%; text-align:center">☐</td> </tr> <tr> <td colspan="3">AB. Khác (Nêu rõ.....)</td> <td style="text-align:center">☐</td> </tr> </table>			A. Pháp nhân	☐	B. Liên danh không tạo pháp nhân	☐	AB. Khác (Nêu rõ.....)			☐
A. Pháp nhân	☐	B. Liên danh không tạo pháp nhân	☐								
AB. Khác (Nêu rõ.....)			☐								

¹ Thông báo (dự kiến) được lập thành 02 bản: 01 bản do đối tượng đề nghị áp dụng Hiệp định giữ và 01 bản lưu tại Cơ quan thuế.

1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết: Nếu không có nêu lý do:.....
-----	---

2. Đại diện được ủy quyền: ☐

2.1	Tên đầy đủ: (viết hoa) <i>A. CMND</i> ☐ <i>B. Hộ chiếu</i> ☐ <i>C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư</i> ☐ <i>D. Khác (nêu rõ)</i> ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....														
2.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....														
2.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do														
2.4	Giấy ủy quyền số ngày.....														
2.5	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">A. Pháp nhân</td> <td style="width: 5%; text-align: center;">☐</td> <td style="width: 40%;">D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc</td> <td style="width: 5%; text-align: center;">☐</td> </tr> <tr> <td>B. Liên danh không tạo thành pháp nhân</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td>E. Khác (Nêu rõ.....)</td> <td style="text-align: center;">☐</td> </tr> <tr> <td>C. Đại lý thuế (nếu có)</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td></td> <td></td> </tr> </table>			A. Pháp nhân	☐	D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐	B. Liên danh không tạo thành pháp nhân	☐	E. Khác (Nêu rõ.....)	☐	C. Đại lý thuế (nếu có)	☐		
A. Pháp nhân	☐	D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc	☐												
B. Liên danh không tạo thành pháp nhân	☐	E. Khác (Nêu rõ.....)	☐												
C. Đại lý thuế (nếu có)	☐														

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Thông báo này)

3.1	Tên đầy đủ: (viết hoa) <i>A. CMND</i> ☐ <i>B. Hộ chiếu</i> ☐ <i>C. Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> ☐ <i>D. Khác (nêu rõ)</i> ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....
3.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
3.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do

3.4	Tư cách pháp lý:			
	A. Pháp nhân	☐	C. Cá nhân hành nghề độc lập	☐
	B. Liên danh không tạo pháp nhân	☐	D. Khác (Nêu rõ.....)	☐

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

4.1. Số thuế dự kiến thông báo miễn, giảm (nếu có):

4.2. Mức thuế suất thông báo áp dụng (trong trường hợp thông báo áp dụng mức thuế suất giảm):

4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định:

5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

5.2. Giải trình khác:

5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc Giấy chứng nhận cư trú do Cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự (cho năm ngay trước năm nộp Thông báo (dự kiến)²); ☐ii) Bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã hoặc dự kiến ký kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (mẫu số 01-1/TBH-TB ban hành kèm theo TT số 28/2011/TT-BTC); ☐iii) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền); ☐iv) Tài liệu khác (nếu có). ☐

Tôi cam kết các thông tin và tài liệu đã cung cấp là trung thực và đầy đủ và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này.

Ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

² Trường hợp đã nộp cho Cơ quan thuế bản gốc Giấy chứng nhận cư trú trong năm trước đó, có thể nộp bản sao Giấy chứng nhận cư trú có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

Ghi chú:

1. Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.
2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kê cả phần 1 và 2 của Thông báo này.

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN THUẾ

Cục Thuế

Xác nhận Công ty

Mã số thuế:

Địa chỉ:

1. Đã nộp đầy đủ Hồ sơ Thông báo (dự kiến) thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và

2. Công ty được tạm thời chưa phải nộp thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh từ các hợp đồng tái bảo hiểm đã ký và sẽ ký kết với các công ty tái bảo hiểm Việt Nam trong năm (ghi rõ năm thông báo áp dụng Hiệp định).

3. Trong vòng quý I của năm (ghi rõ năm liền kề năm thông báo áp dụng Hiệp định), Công ty có trách nhiệm gửi cho Cục Thuế các tài liệu sau để được miễn, giảm thuế theo Hiệp định:

i) Bản gốc Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hóa lãnh sự của năm tính thuế (ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định trong trường hợp tại thời điểm nộp Thông báo (dự kiến) chưa có Giấy chứng nhận cư trú của năm thông báo áp dụng Hiệp định).

ii) Thông báo (chính thức) theo mẫu số 02/TBH-TB ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính).

iii) Bản chụp có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi Cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho Cơ quan thuế.

....., ngày tháng năm

CỤC TRƯỞNG

(hoặc) KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01-1/TBH-TB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CÁC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM ĐÃ HOẶC DỰ KIẾN KÝ KẾT

(Kèm theo Thông báo (dự kiến) ngày.....)

Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được ủy quyền:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tên đại lý thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Mã số thuế:

Đơn vị tiên : *Đồng Việt Nam*

STT	Tên Hợp đồng	Đại diện ký kết		Ngày ký Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng thực hiện (nếu có)	Hiệu lực Hợp đồng		Thuế nhà thầu phải nộp (nếu không được miễn theo Hiệp định)
		Bên Việt Nam (ghi rõ tên, mã số thuế)	Bên nước ngoài ¹			Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
...								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

¹ Trưởng hợp Đại diện ký kết hợp đồng là Văn phòng đại diện, phải ghi rõ Văn phòng đại diện là đối tượng cư trú của Nước ký kết.

Mẫu số: 02/TBH-TB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO (Chính thức)

(Tiếp theo Thông báo (dự kiến) ngày/...../.....)

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định: ☐

1.1	Tên đầy đủ: (viết hoa) Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số: Ngày cấp:/...../..... tại Cơ quan cấp:		
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch:		
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam: Số điện thoại: Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: A. Nơi làm việc ☐ B. Nơi lưu trú ☐ C. Văn phòng ĐD ☐ D. Cơ sở thường trú ☐ E. Khác ☐ Nêu rõ:		
1.3.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên): Số điện thoại: Số Fax: E-mail:		
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam): Nếu không có nêu lý do:		
1.5	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:		
1.6	Địa chỉ tại Nước ký kết: Số điện thoại: Số Fax: E-mail:		
1.7	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết: A. Pháp nhân ☐ B. Liên danh không tạo pháp nhân ☐ C. Khác (Nêu rõ:) ☐		
1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết: Nếu không có nêu lý do		

2. Đại diện được ủy quyền: ☐

2.1	Tên đầy đủ: (viết hoa) <i>A. CMND</i> ☐ <i>B. Hộ chiếu</i> ☐ <i>C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư</i> ☐ <i>D. Khác(nêu rõ)</i> ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....			
2.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
2.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do.....			
2.4	Giấy ủy quyền số ngày.....			
2.5	Tư cách pháp lý			
	<i>A. Pháp nhân</i>	☐	<i>D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	☐
	<i>B. Liên danh không tạo thành pháp nhân</i>	☐	<i>E. Khác</i> <i>(Nêu rõ.....)</i>	☐
	<i>C.Đại lý thuế</i>	☐		

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Thông báo này)

3.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... <i>A. CMND</i> ☐ <i>B. Hộ chiếu</i> ☐ <i>C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư</i> ☐ <i>D. Khác(nêu rõ)</i> ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....			
3.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do.....			
3.4	Tư cách pháp lý:			
	<i>A. Pháp nhân</i>	☐	<i>C. Cá nhân hành nghề độc lập</i>	☐
	<i>B. Liên danh không tạo pháp nhân</i>	☐	<i>D. Khác</i> <i>(Nêu rõ.....)</i>	☐

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

4.1. Số thuế thông báo miễn, giảm (ghi rõ số tiền):

4.2. Mức thuế suất thông báo áp dụng (trong trường hợp thông báo áp dụng mức thuế suất giảm):

4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (*ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định*):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định:

5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

5.2. Giải trình khác:

5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc Giấy chứng nhận cư trú do Cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự trong năm tính thuế đó;

ii) Bản chụp có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi Cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho Cơ quan thuế;

iii) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền);.

Tôi cam kết các thông tin và tài liệu đã cung cấp là trung thực và đầy đủ và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

Ngày..... tháng.... năm....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Ghi chú:

1. Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.

2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần 1 và 2 của Thông báo này.

Mẫu số: 02-1/TBH-TB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục
DANH MỤC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM
(Kèm theo Thông báo (chính thức) ngày.....)

Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được ủy quyền:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

STT	Loại Hợp đồng	Đại diện ký kết		Thời gian thực hiện hợp đồng	Trách nhiệm pháp lý và cam kết của các bên	Đối tượng có thẩm quyền kết hợp đồng	Các nội dung liên quan đến thuế trong hợp đồng
		Bên Việt Nam (ghi rõ tên, mã số thuế)	Bên nước ngoài ¹				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	A: Hợp đồng TBH P&I						
1							
2							
	B: Hợp đồng TBH kỹ thuật						
1							
2							

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2	Giá trị phần việc của Nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện được trừ (nếu có)				Trường hợp có nhiều Nhà thầu phụ Việt Nam thì lập bảng kê chi tiết đối với từng Nhà thầu phụ Việt Nam.
3	Doanh thu chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài				Trường hợp có nhiều Nhà thầu nước ngoài thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu nước ngoài.
4	Số thuế phải nộp của Nhà thầu nước ngoài (a+b) a. Thuế GTGT b. Thuế TNDN				
5	Số thuế đã nộp của nhà thầu nước ngoài (a+b) a. Thuế GTGT b. Thuế TNDN				
6	Số thuế Nhà thầu nước ngoài nộp thừa/thiếu (6 = 4 - 5) a. Thuế GTGT b. Thuế TNDN				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngàythángnăm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Mẫu số: 02-1/NTNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài ngày.....)

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

STT	Tên nhà thầu nước ngoài	Nước cư trú	Mã số thuế tại Việt Nam (Nếu có)	Mã số thuế tại nước ngoài (Nếu có)	Số Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Địa điểm thực hiện	Thời hạn Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng		Giá trị quyết toán Hợp đồng		Số lượng lao động
									Giá trị nguyên tệ	Giá trị tiền VN quy đổi	Giá trị nguyên tệ	Giá trị tiền VN quy đổi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10a)	(10b)	(11a)	(11b)	(12)
Tổng cộng													

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 02-2/NTNN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)***Phụ lục****BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ VIỆT NAM THAM GIA HỢP ĐỒNG NHÀ THẦU***(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài ngày.....)***Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay (hoặc nhà thầu nước ngoài):**.....Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):.....Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

STT	Tên nhà thầu phụ Việt Nam	Mã số thuế	Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng (Tên, mã số thuế)	Hợp đồng số, ngày	Nội dung hợp đồng	Địa điểm thực hiện	Thời hạn hợp đồng	Giá trị hợp đồng		Giá trị quyết toán hợp đồng	
								Giá trị nguyên tệ	Giá trị tiền VN quy đổi	Giá trị nguyên tệ	Giá trị tiền VN quy đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9a)	(9b)	(10a)	(10b)
Tổng cộng											

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 03/NTNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: tháng năm (hoặc lần phát sinh) Tháng Lần phát sinh

[02] Lần đầu [] [] [03] Bổ sung lần thứ [] []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[illegible]

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ: [15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuê: Số ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Nội dung công việc	Mã số thuế	Hợp đồng số.. ngày... tháng...	Số tiền thanh toán kỳ này	Ngày thanh toán	Thuế TNDN			
					Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế TNDN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=6x7-8)
Cộng:								

Tổng số thuế TNDN phải nộp kỳ này (viết bằng chữ):.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Mẫu số: 04/NTNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày.....đến ngày.....

[02] Lần đầu [] [03] Bổ sung lần thứ []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[14] Địa chỉ: [15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiên: *Đồng Việt Nam*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kê khai	Quyết toán	Ghi chú
1	Giá trị hợp đồng				
2	Giá trị phần việc nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện được trừ (nếu có)				Trường hợp có nhiều Nhà thầu phụ Việt Nam thì lập bảng kê chi tiết đối với từng Nhà thầu phụ Việt Nam.
3	Doanh thu tính thuế (3) = (1) - (2)				
4	Số thuế TNDN phải nộp				
5	Số thuế đã nộp của nhà thầu nước ngoài				
6	Số thuế nhà thầu nước ngoài nộp thừa/thiếu (6) = (4) - (5)				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 01/HTQT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO
NOTICE

*Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định giữa Việt Nam và (tên Nước/
Vùng lãnh thổ ký kết) đối với*

*Applying for tax exemption or reduction under the Avoidance of Double Taxation
Agreement between Vietnam and (name of the Contracting State/Party) for*

☐ *Tổ chức (Entity)* ☐ *Cá nhân (Individual)* ☐ *Tổ chức và cá nhân (Both)*

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định:

1. Beneficial owner entitled to tax exemption, reduction under the Agreement

	A. Tổ chức (Entity): ☐	B. Cá nhân (Individual): ☐
1.1	Tên đầy đủ:(viết hoa) Full name:(in capitals) A. Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ <i>Business license or Profession license/Work permit</i> B. Hộ chiếu ☐ <i>Passport</i> Số (No.): Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency	
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch (nếu là tổ chức) Name used in transaction (for entity only)	
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Address in Vietnam Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax): E-mail: Địa chỉ trên là (The above address is): A. Văn phòng DD ☐ B. Cơ sở thường trú ☐ B. Nơi làm việc ☐ B. Nơi lưu trú ☐ <i>Rep Office Permanent Establishment Workplace Domicile</i> AB. Khác ☐ Nêu rõ:..... <i>Other Specify</i>	

1.3.b.	Địa chỉ giao dịch hoặc làm việc tại Việt Nam (<i>nếu khác với địa chỉ nêu trên</i>)... Address of transaction or of work in Vietnam (<i>if other than the above address</i>) Số điện thoại (Tel): Số Fax (Fax): E-mail:		
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam: Tax identification number in Vietnam Nếu không có nêu lý do If there is no TIN, state the reason		
1.5	Thời gian dự kiến thực hiện hoạt động (hoặc ở) tại Việt Nam: Expected duration of operation carried out (or stay) in Vietnam		
1.6	Quốc tịch: <i>Nước ký kết</i> ☐ <i>Nước khác</i> ☐ Nationality <i>Contracting State</i> <i>Other</i>		
1.7	Địa chỉ tại Nước ký kết: Address in Contracting State Số điện thoại (Tel): Số Fax (Fax): E-mail: Địa chỉ trên là (The above address is): <i>Nơi làm việc</i> ☐ <i>Nơi thường trú</i> ☐ <i>Khác</i> ☐ <i>Nêu rõ:</i> <i>Workplace</i> <i>Domicile</i> <i>Other</i> <i>Specify</i>		
1.8	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết (Legal status):		
	A. Pháp nhân (<i>Entity</i>) A. <i>Liên danh không tạo pháp nhân</i> <i>Partnership not forming legal entity</i>	☐ ☐	B. Cá nhân (<i>Individual</i>) AB. <i>Khác (Nêu rõ.....)</i> <i>Other (Specify)</i>
			☐ ☐
1.9	Mã số thuế tại Nước ký kết..... Tax identification number in Contracting State Nếu không có nêu lý do If there is no TIN, state the reason		

2. Đại diện được ủy quyền: .

2. Authorized representative

2.1	Tên đầy đủ: (viết hoa) Full name: (in capitals) <i>A. Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> ☐ <i>Business license or Profession license/Work permit</i> <i>B. Hộ chiếu</i> ☐ <i>B. CMND</i> ☐ <i>Passport</i> <i>ID</i> <i>AB. Khác(nêu rõ)</i> ☐ <i>Other (Specify)</i> Số (No.): Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... <i>Date of issue</i> <i>in</i> <i>issuing agency</i>		
2.2	Địa chỉ (address):..... Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:..... E-mail:.....		
2.3	Mã số thuế:..... <i>Tax identification number</i> Nếu không có nêu lý do <i>If there is no TIN, state the reason</i>		
2.4	Giấy ủy quyền số: ngày Letter of attorney dated		
2.5	Tư cách pháp lý (Legal status)		
	<i>A. Pháp nhân (Entity)</i> ☐	<i>B. Cá nhân hành nghề độc lập</i> ☐ <i>Individual carrying on independent service</i>	
	<i>A. Liên doanh không tạo thành pháp nhân</i> ☐ <i>Partnership not forming legal entity</i>	<i>AB. Khác (Nêu rõ.....)</i> ☐ <i>Other (Specify)</i>	
	<i>AB. Đại lý thuế (Tax agent)</i> ☐		

3. Đối tượng chi trả thu nhập/sử dụng lao động:

3. Income payer/employer

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập hoặc sử dụng lao động, phải lập bảng kê kèm theo Thông báo này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

(In case of more than one income payer or employer, a list thereof must be made together with this Notice with all the information below)

3.1	Tên đầy đủ (Full name):..... <i>A. Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> ☐ <i>Business license or Practice license</i> <i>B. Hộ chiếu</i> ☐ <i>B. CMND</i> ☐ <i>Passport</i> <i>ID</i> <i>AB. Khác(nêu rõ)</i> ☐ <i>Other (Specify)</i> Số (No.): Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency			
3.2	Địa chỉ (address):..... Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.3	Mã số thuế:..... Tax identification number Nếu không có nêu lý do: If there is no TIN, state the reason			
3.4	Tư cách pháp lý (Legal status)			
	A. Pháp nhân (Entity)	☐	B. Cá nhân hành nghề độc lập <i>Individual carrying on independent service</i>	☐
	A. Liên danh không tạo pháp nhân <i>Partnership not forming legal entity</i>	☐	AB. Khác (Nêu rõ:.....) <i>Other (Specify)</i>	☐

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

Contents of tax exemption, reduction

4.1. Loại và tổng số thu nhập ước tính thông báo miễn, giảm thuế

Type and estimated total income requesting for tax exemption, reduction

4.1.1. Loại thu nhập (Type of income):

a) Thu nhập cá nhân (làm công; phục vụ Chính phủ; lương hưu; học bổng; làm thêm; giảng dạy; biểu diễn văn hóa, thể dục thể thao ...):

Personal income (employment, Government service, pensions, scholarships, part time; teaching, cultural performances, sports...)

b) Thu nhập kinh doanh

Business profit

c) Thu nhập từ lãi cổ phần, lãi tiền vay, tiền bản quyền, thu nhập khác.

Dividends, interest, royalties, other income

d)

4.1.2. Tổng số thu nhập (Total income):

4.2. Thời gian phát sinh thu nhập:

Income-generating duration

4.3. Số thuế đề nghị miễn, giảm (hoặc mức thuế suất thông báo áp dụng Hiệp định trong trường hợp thông báo áp dụng mức thuế suất giảm):

Tax amount requesting for exemption, eduction (or tax rate requesting for application of the Agreement in case of applying for the reduced tax rate)

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định:

Information on transactions deriving the income liable to the tax amount requesting for application of the Agreement

5.1. Giải trình tóm tắt về hoạt động kinh doanh/giao dịch phát sinh thu nhập:

Brief description of the business/transactions generating the income

.....

5.2. Giải trình khác

Other description

.....

5.3. Tài liệu gửi kèm:

5.3. Enclosed documents

i) Bản gốc Giấy chứng nhận cư trú do cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự; ☐

The original certificate of residence issued by the tax authority of residence country, that has been legalized.

ii) Bản chụp hợp đồng kinh tế ký kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có xác nhận của người nộp thuế; ☐

The taxpayer's certified copy of the economic contracts signed with organizations and individuals in Vietnam

iii) Bản chụp Giấy phép khai thác thị trường Việt Nam (phép bay) của Cục Hàng không dân dụng cấp theo quy định của Luật Hàng không dân dụng có xác nhận của người nộp thuế; ☐

The taxpayer's certified copy of the license for exploitation of the Vietnamese market (flight license) issued by the Civil Aviation Administration of Vietnam under the Law on Civil Aviation;

iv) Bản chụp Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký tại Việt Nam có xác nhận của người nộp thuế; ☐

The taxpayer's certified copy of the independent professional services contract signed in Vietnam

v) Bản chụp Hợp đồng lao động với người sử dụng ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế; ☐

The taxpayer's certified copy of the labor contract with the foreign employer

vi) Bản chụp Hợp đồng lao động với người sử dụng lao động tại Việt Nam có xác nhận của người nộp thuế; ☐

The taxpayer's certified copy of the labor contract with the employer in Vietnam

vii) Bản chụp giấy phép kinh doanh và/hoặc giấy phép hành nghề, do Việt Nam cấp đối với các ngành nghề pháp luật Việt Nam yêu cầu phải đăng ký kinh doanh hoặc có giấy phép hành nghề (nếu có) có xác nhận của người nộp thuế; ☐

The taxpayer's certified copy of the business license and/or the profession license/work permit issued by Vietnam, for business lines or occupations subject to business license or profession license /work permit under Vietnamese law (if any);

viii) Giấy chứng nhận của cơ quan đại diện Việt Nam trong các chương trình trao đổi văn hóa, thể dục thể thao về nội dung hoạt động và thu nhập thông báo miễn thuế theo Hiệp định ☐

A certificate issued by the Vietnamese agency representing in the cultural or sport or physical training exchange program on the content of activities and incomes as stated in the notice for tax exemption under the Agreement;

ix) Bản chụp hộ chiếu sử dụng cho việc xuất nhập cảnh tại Việt Nam có xác nhận của người nộp thuế; ☐

The taxpayer's certified copy of the passport used for entry into or exit from Vietnam;

x) Tài liệu chứng minh tính chất khoản thu nhập; ☐

Document evidencing the nature of the income;

xi) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp điều hành trực tiếp tàu, có thể là một trong các tài liệu sau:

Document evidencing the carrier's directly operating the ships, which is one of the following documents:

+ Bản chụp Giấy đăng ký sở hữu tàu có xác nhận của người nộp thuế; ☐

The taxpayer's certified copy of the ship ownership registration;

+ Bản chụp Hợp đồng thuê tàu (trường hợp doanh nghiệp đi thuê hoặc được trao quyền sử dụng) có xác nhận của người nộp thuế; ☐

The taxpayer's certified copy of the ship charter contract (if the carrier charters or is given the right to use the ship);

+ Bản chính hoặc bản chụp Giấy phép khai thác tàu định tuyến có xác nhận của cảng vụ; ☐

The original license for ship operation along a fixed route or its copy, certified by the port authority;

+ Bản chính hoặc bản chụp giấy phép tàu vào cảng có xác nhận của cảng vụ ☐

The original port entry permit or its copy, certified by the port authority

+ Bản chính giấy xác nhận của cảng vụ về các tàu của hãng vào cảng Việt Nam ☐

The port authority's original certificate of the carrier's ships entering a Vietnamese port

+ Các tài liệu khác ☐

Other documents

xii) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền); ☐

Letter of attorney (in case of authorization)

xiii) Tài liệu khác (nếu có); ☐

Other document (if any)

Tôi cam kết các thông tin và tài liệu đã cung cấp là trung thực và đầy đủ và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

I pledge hereby that the supplied information and documents are true and complete and I shall take responsibility before law for these information and documents./.

....., ngày..... tháng năm

....., day..... month year

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

CERTIFIED TAX AGENT

Họ và tên:

Full name

Chứng chỉ hành nghề số:....

Profession liscence No.:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

TAXPAYER or

LEGAL REPRESENTATIVE OF TAXPAYER

Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Sign, full name, title, and seal

Note:

1. Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.

Please tick off (x) in the relevant box.

2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định, bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin tại phần 1 và 2 của Thông báo này.

In cases where the taxpayer authorizes his/her legal representative to carry out procedures for the application of the Agreement, the authorizer must declare all information in part 1 and 2 of this Notice.

3. Đối với từng loại thu nhập, tài liệu gửi kèm như sau:

For each type of income, attach the following documents:

3.1. Đối với cá nhân là đối tượng cư trú nước ngoài có thu nhập từ hoạt động làm công tại Việt Nam: i); v); vi) và ix).

For individuals who are foreign residents having income from employment in Vietnam: i); v); vi) and ix).

3.2. Đối với cá nhân nước ngoài là đối tượng cư trú của Việt Nam được hưởng các quy định miễn, giảm thuế đối với thu nhập quy định tại các Điều khoản thu nhập từ phục vụ Chính phủ, thu nhập của sinh viên, học sinh học nghề và thu nhập của giáo viên, giáo sư và người nghiên cứu: i); x); xii) và xiii).

For foreign individuals being residents of Vietnam entitled to tax exemption or reduction for incomes provided in the Agreement's provisions on incomes from government service, incomes of students, job trainees, teachers, professors and researchers: i); x); xii) and xiii).

3.3. Đối với vận động viên và nghệ sĩ là đối tượng cư trú của nước ngoài có thu nhập từ biểu diễn văn hóa, thể dục thể thao tại Việt Nam: i); viii); và xii).

For athletes and artists being residents of foreign countries and having incomes from cultural performance, sports or physical training activities in Vietnam: i); viii); and xii).

3.4. Đối với nhà thầu nước ngoài thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh: i); ii); xii) và xiii).

For foreign contractors applying the Vietnamese accounting system and having incomes from production or business activities: i); ii); xii) and xiii).

3.5. Đối với nhà thầu nước ngoài thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có thu nhập từ hoạt động ngành nghề độc lập: i); iv); vii); ix); xii) và xiii).

For foreign contractors applying the Vietnamese accounting system and having incomes from independent professional services: i); iv); vii); ix); xii) and xiii).

3.6. Đối với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có thu nhập từ vận tải hàng không quốc tế tại Việt Nam: i); iii); xii) và xiii).

For foreign contractors that do not apply the Vietnamese accounting system and have incomes from international air transportation in Vietnam: i); iii); xii) and xiii).

3.7. Đối với nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, có thu nhập khác (thu nhập từ kinh doanh, lãi cổ phần, lãi tiền vay, tiền bản quyền, phí dịch vụ kỹ thuật, chuyển nhượng tài sản, thu nhập khác): i); ii); xii) và xiii).

For foreign contractors that do not apply the Vietnamese accounting system and have other income (business profits, dividends, interest, royalties, technical fees, alienation of property, other income): i); ii); xii) and xiii).

3.8. Đối với hãng vận tải nước ngoài có thu nhập từ hoạt động vận tải quốc tế: i); xi) và xii).

For foreign carriers having income from international transport activities: i); xi) and xii).

3.9. Đối với nhà thầu nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng vốn: i); ii); và xii).

For foreign contractors having income from capital gains: i); ii); and xii).

Mẫu số: 01/THKH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI THUẾ KHOẢN**

(Dành cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh)

[01] Kỳ tính thuế:

[02] Lần đầu [] [03] Bổ sung lần thứ []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Doanh thu trung bình 1 tháng của năm trước	Dự kiến doanh thu trung bình 1 tháng năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTDB: -		

STT	Chỉ tiêu	Doanh thu trung bình 1 tháng của năm trước	Dự kiến doanh thu trung bình 1 tháng năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)
2	Doanh thu của hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế TTĐB, không chịu thuế GTGT: -		
3	Doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT: - Loại chịu thuế suất 5%: + - Loại chịu thuế suất 10%: +		

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

Trong mỗi loại doanh số, tùy theo đặc điểm kinh doanh tại địa phương, chi cục thuế hướng dẫn hộ thuế khoán khai chi tiết theo ngành hàng hóa, dịch vụ kinh doanh.

Mẫu số: 02/THKH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ KHOÁN

(Dành cho hộ gia đình, cá nhân khai thác tài nguyên khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm

[02] Lần đầu: [] **[03]** Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: **[08]** Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: **[16]** Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: **[18]** Fax: **[19]** Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên khoáng sản	Sản lượng khai thác trung bình 1 tháng của năm trước	Đơn vị tính	Dự kiến sản lượng khai thác trung bình 1 tháng năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Khoáng sản A			
2	Khoáng sản B			

STT	Tên khoáng sản	Sản lượng khai thác trung bình 1 tháng của năm trước	Đơn vị tính	Dự kiến sản lượng khai thác trung bình 1 tháng năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Khoáng sản C			
4				

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 03/THKH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....
CHI CỤC THUẾ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO NỘP THUẾ

(Áp dụng với hộ gia đình, cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán)

Kính gửi:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành,

Căn cứ Tờ khai thuế của..... nộp ngày

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tư vấn thuế xã (phường, thị trấn)..... và xét đề nghị của Đội thuế....., Tổ nghiệp vụ;

Chi cục thuế..... thông báo:

1. Số thuế môn bài phải nộp năm nay/6 tháng cuối năm:

(Phần nội dung thuế môn bài được thông báo trong Thông báo thuế đầu năm hoặc tháng có phát sinh thuế môn bài mới)

2. Số thuế phải nộp một tháng của năm là:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Số tiền
(1)	(2)	(3)
1	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	
2	Thuế GTGT	
3	Thuế Tài nguyên	
4	Phí bảo vệ môi trường	
Tổng thuế khoán:		

Số thuế trên được khoán ổn định cho các tháng trong năm.....

- Hộ nộp khoán phải nộp số thuế trên vào NSNN hàng tháng, hạn cuối cùng nộp thuế mỗi tháng ngày cuối cùng của tháng.

- Trường hợp hộ nộp thuế khoán muốn nộp thuế một lần cho cả quý (số thuế 1 tháng x 3) thì hạn nộp thuế là ngày cuối cùng của tháng đầu quý.

3. Nơi nộp thuế khoán:

☐ Nộp cho ủy nhiệm thu: Tên ủy nhiệm thu, địa chỉ.....

☐ Nộp tại trụ sở cơ quan thuế:..... địa chỉ.....

☐ Nộp tại kho bạc:..... địa chỉ.....

▪ Thuế Môn bài: tài khoản.....

▪ Thuế TTĐB: tài khoản.....

▪ Thuế GTGT: tài khoản.....

Quá thời hạn nộp thuế nói trên nếu người nộp thuế không thực hiện nộp số tiền thuế theo Thông báo này thì cơ quan thuế được quyền áp dụng phạt nộp chậm. Mức phạt cho mỗi ngày chậm nộp là 0,05% tổng số tiền chậm nộp.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế.....
theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

Chi cục thuế..... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01/TĐ-GTGT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Dành cho các cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... Năm.....

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Sản lượng điện	Giá tính thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
1	Thuế GTGT đầu ra	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)x(2)x(3)
2	Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hoạt động sản xuất điện				(5)
3	Số thuế GTGT phải nộp				(6)=(4)-(5)

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 01-1/TĐ-GTGT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

**BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT số..... ngày.....)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... Năm.....

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
1	Số thuế GTGT phải nộp của Nhà máy thủy điện X - Nộp tại địa phương A - Nộp tại địa phương B ...		

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
2	Số thuế GTGT phải nộp của Nhà máy thủy điện Y - Nộp tại địa phương C - Nộp tại địa phương D ...		
3	...		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 02/TĐ-TNDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU THUẾ TNDN TÍNH NỘP CỦA DOANH NGHIỆP CÓ CÁC ĐƠN VỊ
THỦY ĐIỆN HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC**

[01] Kỳ tính thuế: Quý..... Năm.....

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ chi phí	Số tiền
1	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ		
2	Tại trụ sở chính: Mã số thuế:.....		
3	Tại đơn vị thủy điện phụ thuộc I Mã số thuế (nếu có):.....		
4	Tại đơn vị thủy điện phụ thuộc II Mã số thuế (nếu có):.....		

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ chi phí	Số tiền
5	Tại đơn vị thủy điện phụ thuộc III Mã số thuế (nếu có):.....		

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 02-1/TĐ-TNDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

**BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo tờ khai thuế TNDN số..... ngày.....)

(Trường hợp gửi kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN thì kỳ tính thuế là năm)

[01] Kỳ tính thuế: Quý..... Năm.....

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
1	Số thuế TNDN phải nộp của Nhà máy thủy điện X - Nộp tại địa phương A - Nộp tại địa phương B ...		

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
2	Số thuế TNDN phải nộp của Nhà máy thủy điện Y - Nộp tại địa phương C - Nộp tại địa phương D ...		
3	...		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 03/TĐ-TAIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN**

(Dành cho cơ sở sản xuất thủy điện)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... Năm.....

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên thương phẩm khai thác		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Thuế TN phát sinh trong kỳ	Thuế TN dự kiến được miễn giảm trong kỳ	Thuế TN phát sinh phải nộp trong kỳ
		KW/h	Sản lượng điện xuất tuyến					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4)x(5)x(6)	8	(9)=(7)-(8)
	Tổng cộng							

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu

Mẫu số: 03-1/TĐ-TAIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

**BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ TÀI NGUYÊN PHẢI NỘP
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo tờ khai thuế Tài nguyên số.....ngày.....)

(Trường hợp gửi kèm theo Tờ khai quyết toán thuế Tài nguyên
thì kỳ tính thuế là năm)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... Năm.....

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:.....[11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
1	Số thuế Tài nguyên phải nộp của Nhà máy thủy điện X		

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
	- Nộp tại địa phương A - Nộp tại địa phương B ...		
2	Số thuế Tài nguyên phải nộp của Nhà máy thủy điện Y - Nộp tại địa phương C - Nộp tại địa phương D ...		
3	...		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
 (nếu có)

Mẫu số: 01/ADTH*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC**ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)*

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ấn định số thuế phải nộp****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

- Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các Luật Thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế/Chi cục thuế;
- Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của..... về việc kiểm tra (thanh tra) tại.....
- Căn cứ Biên bản kiểm tra (Kết luận thanh tra).....
- Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Ấn định số thuế phải nộp đối với:**

Ông/bà/ tổ chức: - Mã số thuế:

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số: do..... cấp ngày.....

Địa chỉ:

Lý do ấn định:.....

Số thuế ấn định:

Số thuế chênh lệch giữa số thuế cơ quan thuế ấn định và số thuế người nộp thuế tự kê khai:

Điều 2. Ông/bà/tổ chức có nghĩa vụ nộp đầy đủ số thuế bị ấn định trong thời hạn..... kể từ ngày.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ông/Bà/Tổ chức có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Bộ phận KK,...
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

CƠ QUAN THU

.....

Mẫu số: 01/LT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

LỆNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành về chế độ thu ngân sách nhà nước,

Cơ quan ra lệnh thu:..... Mã số:

Yêu cầu NH (KBNN):..... tỉnh, TP:

Trích TK số:..... của:

Mã số thuế:..... Địa chỉ:

.....

Nộp vào KBNN:..... tỉnh, TP:

Để ghi thu NSNN ☐ hoặc nộp vào TK tạm thu số:

Của cơ quan thu:..... mã số:

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số tiền
	Tổng cộng				

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

.....

PHẦN KBNN GHI

Mã quỹ: Mã ĐBHC: Nợ TK:

Mã KBNN: Mã nguồn NS: Có TK:

NGÂN HÀNG A

Ngày.... tháng.... năm....

Kế toán**Kế toán trưởng****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU**

Ngày..... tháng..... năm.....

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)***NGÂN HÀNG B**

Ngày.... tháng..... năm.....

Kế toán**Kế toán trưởng****KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán**Kế toán trưởng**

Mẫu số: 01/NOPT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN TÊN CƠ QUAN THUẾ <u>BAN HÀNH THÔNG BÁO</u>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
--	--

Số:...../TB-....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc hạch toán lại các khoản tiền thuế, tiền phạt nộp NSNN

Kính gửi:

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo:

Theo quy định tại Điều 45 Luật Quản lý thuế và hướng dẫn tại Điều 25 Chương III Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ:

Trường hợp người nộp thuế vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt nhưng trên chứng từ nộp thuế, tiền phạt không ghi hoặc ghi không đúng trình tự (1) Tiền thuế nợ; (2) Tiền thuế truy thu; (3) Tiền thuế phát sinh; (4) Tiền phạt thì cơ quan thuế hạch toán số tiền thuế đã thu theo đúng trình tự thanh toán, đồng thời thông báo cho người nộp thuế biết số thuế đã ghi thu ngân sách nhà nước cho từng loại tiền thuế, tiền phạt.

Căn cứ quy định trên;

Trên cơ sở xét chứng từ nộp tiền số..... ngày..... của

Cơ quan thuế..... thông báo về việc hạch toán thu ngân sách nhà nước số tiền thuế, tiền phạt người nộp thuế đã nộp như sau:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Số TT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền thuế nợ	Số tiền thuế truy thu	Số tiền thuế phát sinh	Số tiền phạt vi phạm HC	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
Tổng cộng							

Yêu cầu..... hạch toán các khoản nộp ngân sách nhà nước theo đúng số liệu nêu tại Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

Cơ quan thuế..... thông báo để người nộp thuế được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH
THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 02/NOPT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC
ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỘP TIỀN THUẾ, TIỀN PHẠT

Kính gửi: Cơ quan thuế.....

- Tên người nộp thuế:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:
- Ngành nghề kinh doanh chính là:

Đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt như sau:

1. Số tiền đề nghị gia hạn nộp:..... đồng

Trong đó:

- Tiền thuế:..... đồng (chi tiết theo từng loại tiền thuế)
- Tiền phạt:..... đồng.

2. Lý do đề nghị gia hạn:

3. Thời gian đề nghị gia hạn: Từ ngày..... đến ngày

4. Kế hoạch và cam kết về việc nộp số tiền thuế, tiền phạt:

5. Tài liệu gửi kèm: *(ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)*

(1)

(2)

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

(Xem tiếp Công báo số 181 + 182)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182

Fax : 080.44517

Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng